

**CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU**

*Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025*



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 19



## CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU

Địa chỉ: Khu Mễ Xá 3, phường Hưng Đạo, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều – Quảng Ninh (sau đây gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

#### CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Đông Triều Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty TNHH một thành viên được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700102341 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2009. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất thay đổi lần thứ 7 ngày 02 tháng 7 năm 2025.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ trồng trọt
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Sản xuất giống thủy sản
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
- Xây dựng công trình công ích
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác, còn lại chưa được phân vào đâu
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, Chi tiết:
  - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật.
  - Thiết kế công trình thủy lợi.

Hoạt động chính của Công ty trong năm nay là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Vốn điều lệ của công ty theo Đăng ký kinh doanh mới nhất là 406.158.483.418 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm linh sáu tỷ một trăm năm mươi tám triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm mười tám đồng).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Mễ Xá 3, phường Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

#### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lãi/lỗ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại trang 7.

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập Bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

#### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập Báo cáo này như sau:

##### Hội đồng thành viên

Ông: **Đặng Văn Tuyên**

Chủ tịch



## CÔNG TY TNHH MTV THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU

Địa chỉ: Khu Mễ Xá 3, phường Hưng Đạo, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

#### Ban Giám đốc

Ông: Vũ Minh Thành                      Giám đốc  
Ông: Nguyễn Hải Hà                      Phó Giám đốc

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Châu Á (FADACOM) kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty các năm sau.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc có trách nhiệm:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng Công ty sẽ không thể tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

#### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi đã phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ông Đặng Văn Tuyên  
Chủ tịch  
Quảng Ninh, ngày 26 tháng 01 năm 2026



Số: ...../2026/BCTC/FADACOM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều – Quảng Ninh  
Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều – Quảng Ninh**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Châu Á (FADACOM), đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều – Quảng Ninh (sau đây gọi là “Công ty”), từ trang 5 đến trang 19, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều – Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH CHÂU Á**



---

**HOÀNG MẠNH KƯƠNG**

Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2025-2023-226-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 01 năm 2026

---

**PHẠM ANH TUẤN**

Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
4088-2022-226-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>6.617.381.593</b>	<b>13.641.662.331</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.246.870.876</b>	<b>7.647.471.610</b>
1. Tiền	111	V.1	1.246.870.876	7.647.471.610
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.370.510.717</b>	<b>5.985.860.720</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5.269.038.717	5.914.756.720
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	101.472.000	71.104.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>8.330.001</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	-	8.330.001
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>472.124.373.408</b>	<b>458.993.643.841</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>472.124.373.408</b>	<b>429.993.643.841</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	472.124.373.408	429.993.643.841
- Nguyên giá	222		509.293.829.456	465.283.339.956
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.169.456.048)	(35.289.696.115)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>29.000.000.000</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	-	29.000.000.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>478.741.755.001</b>	<b>472.635.306.172</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>4.677.890.101</b>	<b>6.204.367.605</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.677.890.101</b>	<b>6.204.367.605</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	877.921.887	1.087.096.523
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	126.259.112	140.591.047
4. Phải trả người lao động	314		3.653.095.102	4.976.680.035
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>V.9</b>	<b>474.063.864.900</b>	<b>466.430.938.567</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>474.063.864.900</b>	<b>466.430.938.567</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		473.778.340.123	437.354.047.607
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		473.778.340.123	437.354.047.607
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		285.524.777	76.890.960
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		76.890.960	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		208.633.817	76.890.960
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	29.000.000.000
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>478.741.755.001</b>	<b>472.635.306.172</b>

**PHẠM THỊ THANH NHÀN**  
Người lập biểu

**NGUYỄN THỊ KIM LOAN**  
Kế toán trưởng

**ĐẶNG VĂN TUYẾN**  
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 01 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	35.612.765.290	22.642.280.746
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>35.612.765.290</b>	<b>22.642.280.746</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	31.521.666.980	21.525.216.891
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>4.091.098.310</b>	<b>1.117.063.855</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.561.300	15.353.500
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	-	-
+ Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.107.659.610	1.117.063.855
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>-</b>	<b>15.353.500</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.6	736.238.409	1.021.183.383
12. Chi phí khác	32	VI.7	484.871.798	625.817.578
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>251.366.611</b>	<b>395.365.805</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>251.366.611</b>	<b>410.719.305</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	42.732.794	82.143.861
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>208.633.817</b>	<b>328.575.444</b>

  
**PHẠM THỊ THANH NHÂN**  
 Người lập biểu

  
**NGUYỄN THỊ KIM LOAN**  
 Kế toán trưởng

  
**ĐẶNG VĂN TUYÊN**  
 Chủ tịch

Ngày 26 tháng 01 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(theo phương pháp trực tiếp)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		37.997.998.003	31.381.358.074
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(22.989.681.488)	(5.738.151.581)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.669.803.971)	(11.559.329.648)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(5.676.481)	(622.221.459)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		560.177.430	1.339.938.924
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.041.929.743)	(6.458.117.270)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(6.148.916.250)</b>	<b>8.343.477.040</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(251.684.484)	(2.219.122.016)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(251.684.484)</b>	<b>(2.219.122.016)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(6.400.600.734)</b>	<b>6.124.355.024</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>7.647.471.610</b>	<b>1.523.116.586</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>1.246.870.876</b>	<b>7.647.471.610</b>

**PHẠM THỊ THANH NHÀN**  
Người lập biểu

**NGUYỄN THỊ KIM LOAN**  
Kế toán trưởng

**ĐẶNG VĂN TUYÊN**  
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 01 năm 2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Đông Triều Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty TNHH một thành viên được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700102341 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2009. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất thay đổi lần 7 ngày 02 tháng 7 năm 2025.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ trồng trọt
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Sản xuất giống thủy sản
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
- Xây dựng công trình công ích
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác, còn lại chưa được phân vào đầu
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, Chi tiết:
  - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật.
  - Thiết kế công trình thủy lợi.

Hoạt động chính của Công ty trong năm nay là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Vốn điều lệ của công ty theo Đăng ký kinh doanh mới nhất là 406.158.483.418 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm linh sáu tỷ một trăm năm mươi tám triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm mười tám đồng).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Mễ Xá 3, phường Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và sửa đổi theo thông tư 53/2019/TT-BTC ngày 21/3/2019 của Bộ tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán, thủ tục kế toán và các thông lệ Báo cáo được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam. Vì vậy, việc sử dụng Báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin, thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG*****Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

***Các khoản phải thu***

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa - giá vốn thực tế theo phương pháp đích danh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) dựa trên bằng chứng thích hợp về sự giảm giá trị vào thời điểm lập Báo cáo tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự kiến thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn cho phép ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản làm tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ngoài ra, một số tài sản của Công ty Nằm trong danh mục tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều – Quảng Ninh không phải trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 19/VBHN/BTC ngày 20/07/2017; Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016 ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính là:

- Tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước;
- Máy bơm nước từ 8.000 m<sup>3</sup>/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

***Xây dựng cơ bản dở dang***

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho đầu tư xây dựng cơ bản, máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không thực hiện trích khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt.

***Chi phí trả trước***

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh với thời gian tối đa không quá 3 năm. Bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dụng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn;

***Chi phí phải trả và trích trước***

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Các khoản chi phí này được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ

Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

***Chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản dở dang được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay trong khi chờ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### ***Ghi nhận doanh thu***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ***Doanh thu từ tiền lãi***

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số tiền dư gốc và lãi suất áp dụng.

### ***Thuế***

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính: VND*

**V.1 TIỀN**

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt	260.335.959	176.577.632
Tiền gửi ngân hàng	986.534.917	7.470.893.978
<b>Cộng</b>	<b>1.246.870.876</b>	<b>7.647.471.610</b>

**V.2 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025	01/01/2025
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>5.269.038.717</b>	<b>5.914.756.720</b>
- Ngân sách nhà nước cấp nguồn dịch vụ công ích	3.131.059.778	942.479.581
- NSNN cấp nguồn khấu hao	1.555.907.339	4.964.859.139
- Các đối tượng khác	582.071.600	7.418.000
<b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Phải thu của khách hàng là bên liên quan</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.269.038.717</b>	<b>5.914.756.720</b>

**V.3 PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2025	01/01/2025
<b>Ngắn hạn</b>	<b>101.472.000</b>	<b>71.104.000</b>
- Tạm ứng	-	68.328.000
- Phải thu khác ngắn hạn	101.472.000	2.776.000
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>101.472.000</b>	<b>71.104.000</b>

**V.4 HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025	01/01/2025
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	-	8.330.001
Công cụ, dụng cụ	-	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>-</b>	<b>8.330.001</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>-</b>	<b>8.330.001</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V.5 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

TT	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	PT vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I</b>	<b>Nguyên giá</b>					
1	Tại ngày 01/01/2025	443.187.145.117	20.310.601.339	1.476.169.500	309.424.000	465.283.339.956
2	Tăng trong năm	41.086.010.742	3.400.943.758	-	157.000.000	44.643.954.500
	<i>Mua sắm</i>	-	-	-	157.000.000	157.000.000
	<i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	41.086.010.742	3.400.943.758	-	-	44.486.954.500
3	Giảm trong năm	413.041.000	-	-	220.424.000	633.465.000
	<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-
	<i>Giảm khác</i>	413.041.000	-	-	220.424.000	633.465.000
4	Tại ngày 31/12/2025	483.860.114.859	23.711.545.097	1.476.169.500	246.000.000	509.293.829.456
<b>II</b>	<b>Hao mòn lũy kế</b>					
1	Tại ngày 01/01/2025	24.251.689.822	9.576.399.466	1.152.182.827	309.424.000	35.289.696.115
2	Tăng trong năm	709.076.760	1.430.720.508	-	50.386.665	2.190.183.933
	<i>Trích khấu hao</i>	709.076.760	1.430.720.508	-	50.386.665	2.190.183.933
3	Giảm trong năm	90.000.000	-	-	220.424.000	310.424.000
	<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	90.000.000	-	-	220.424.000	310.424.000
4	Tại ngày 31/12/2025	24.870.766.582	11.007.119.974	1.152.182.827	139.386.665	37.169.456.048
<b>III</b>	<b>Giá trị còn lại</b>					
1	Tại ngày 01/01/2025	418.935.455.295	10.734.201.873	323.986.673	-	429.993.643.841
2	Tại ngày 31/12/2025	458.989.348.277	12.704.425.123	323.986.673	106.613.335	472.124.373.408

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V.6 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn</b>	-	-
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	-	29.000.000.000
- Dự án: Dự án Nạo vét bồi lắng lòng hồ Bến Châu và hồ Yên Dưỡng	-	29.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>29.000.000.000</b>

**V.7 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2025	01/01/2025
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>877.921.887</b>	<b>1.087.096.523</b>
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Ngọc Cường	819.372.399	647.875.300
- Công ty Cổ phần Đo đạc bản đồ và Xây dựng Hòa Phát	-	194.838.000
- Điện lực Đông Triều	21.947.388	54.603.892
- Phải trả nguồn dự án	-	165.703.231
- Các đối tượng khác	36.602.100	24.076.100
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>	-	-
<b>Phải trả người bán là bên liên quan</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>877.921.887</b>	<b>1.087.096.523</b>

**V.8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải nộp 01/01/2025	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp 31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế</b>	<b>140.591.047</b>	<b>273.735.499</b>	<b>288.067.434</b>	<b>126.259.112</b>
Thuế giá trị gia tăng	137.245.566	151.791.031	205.624.309	83.412.288
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.345.481	42.732.794	5.676.481	40.401.794
Thuế thu nhập cá nhân	-	5.164.075	5.164.075	-
Thuế tài nguyên	-	14.955.840	12.510.810	2.445.030
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	54.155.935	54.155.935	-
Các loại thuế khác	-	4.935.824	4.935.824	-
Các khoản khác	-	-	-	-
	<b>140.591.047</b>	<b>273.735.499</b>	<b>288.067.434</b>	<b>126.259.112</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2024	439.321.485.139	29.000.000.000	-	468.321.485.139
Tăng trong năm	251.684.484	-	478.780.015	730.464.499
- Tăng vốn trong năm	251.684.484	-	-	251.684.484
- Lãi trong năm	-	-	328.575.444	328.575.444
- Tăng khác	-	-	150.204.571	150.204.571
Giảm trong năm	2.219.122.016	-	401.889.055	2.621.011.071
- Giảm vốn trong năm	2.219.122.016	-	401.889.055	2.621.011.071
Tại ngày 31/12/2024	437.354.047.607	29.000.000.000	76.890.960	466.430.938.567
Tăng trong năm	36.675.977.000	-	208.633.817	36.884.610.817
- Tăng vốn trong năm	36.675.977.000	-	-	36.675.977.000
- Lãi trong năm	-	-	208.633.817	208.633.817
Giảm trong năm	251.684.484	29.000.000.000	-	29.251.684.484
- Giảm vốn trong năm	251.684.484	29.000.000.000	-	29.251.684.484
Tại ngày 31/12/2025	473.778.340.123	-	285.524.777	474.063.864.900

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2025	01/01/2025
Vốn góp của Nhà Nước	473.778.340.123	437.354.047.607
Cộng	473.778.340.123	437.354.047.607

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**VI.1 DOANH THU THUẦN VỀ HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu	35.612.765.290	22.642.280.746
- Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích thủy lợi	31.895.814.690	7.157.233.415
- Doanh thu trợ cấp, trợ giá	2.160.730.600	14.117.251.291
- Doanh thu khác	1.556.220.000	1.367.796.040
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	35.612.765.290	22.642.280.746

**VI.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn của hàng hóa cung cấp dịch vụ	31.521.666.980	21.525.216.891
<b>Cộng</b>	<b>31.521.666.980</b>	<b>21.525.216.891</b>
<b>VI.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.561.300	15.353.500
<b>Cộng</b>	<b>16.561.300</b>	<b>15.353.500</b>
<b>VI.4 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nhân viên quản lý	348.750.060	173.572.800
Chi phí vật liệu quản lý	493.015.660	239.083.800
Chi phí đồ dùng văn phòng	63.356.685	84.472.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	82.490.966	80.376.686
Thuế, phí và lệ phí	1.776.359.240	63.453.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	558.648.117	242.286.512
Chi khác bằng tiền khác	785.038.882	233.818.100
<b>Cộng</b>	<b>4.107.659.610</b>	<b>1.117.063.855</b>
<b>VI.5 THU NHẬP KHÁC</b>		
	Năm 2025	Năm 2024
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	19.351.852	617.383.383
Thu nhập khác	716.886.557	403.800.000
<b>Cộng</b>	<b>736.238.409</b>	<b>1.021.183.383</b>
<b>VI.6 CHI PHÍ KHÁC</b>		
	Năm 2025	Năm 2024
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	277.154.456
- Tiền thu lao, chi phí dịch vụ đầu giá	-	20.223.322
- Các khoản chi phí khác	484.871.798	328.439.800
<b>Cộng</b>	<b>484.871.798</b>	<b>625.817.578</b>
<b>VI.7 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>		

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 17% thu nhập tính thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Doanh thu từ hoạt động thủy lợi của công ty thuộc diện miễn thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kế toán trước thuế	251.366.611	410.719.305
Điều chỉnh các khoản tăng (giảm) lợi nhuận	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận (lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	251.366.611	410.719.305
Lỗ tính thuế năm trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>251.366.611</b>	<b>410.719.305</b>
Thuế suất	17%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	42.732.324	82.143.861
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>42.732.324</b>	<b>82.143.861</b>

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC****VII.1 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**VII.2 THÔNG TIN VỀ TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

**VII.3 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Châu Á.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**VII. 4 PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 26 tháng 01 năm 2026.



**PHẠM THỊ THANH NHÂN**  
Người lập biểu



**NGUYỄN THỊ KIM LOAN**  
Kế toán trưởng



**ĐẶNG VĂN TUYÊN**  
Chủ tịch

Ngày 26 tháng 01 năm 2026

